

Bản án số: 03/2019/HS-ST

Ngày: 27- 02- 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Bắc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Văn Mác

2. Bà Dương Thị Thu Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đại Dương- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2019 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 04/2019/TLST-HS ngày 18 tháng 01 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo:

Đỗ Văn V, tên gọi khác: Không; sinh ngày 01/8/1982; nơi đăng ký HKTT: Thôn T, xã P, huyện V, thành phố H; chỗ ở hiện nay: Xóm T, xã L, thành phố T, tỉnh TN; quốc tịch: Việt N; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 1/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Đỗ Văn G, con bà: Lê Thị N đều đã chết; có vợ là: Nguyễn Thị T, sinh năm 1980, có 03 con chung, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2007; gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ tư; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 16/9/2018 đến ngày 25/9/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1997 – Vắng mặt

Trú tại: Xóm L, xã V, huyện Đ, tỉnh TN.

- Người tham gia tố tụng khác:

+ Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1980 - Có mặt.

Trú tại: Xóm T, xã L, thành phố T, tỉnh TN.

+ **Người làm chứng:**

1. Anh Trần Văn L, sinh năm 1999 – Vắng mặt.

Trú tại: Xóm B, xã N, huyện Đ, tỉnh T.

2. Anh Lâm Văn M, sinh năm 2000 - Vắng mặt.

Trú tại: Xóm B, xã N, huyện Đ, tỉnh T.

3. Anh Triệu Văn T, sinh năm 1997 - Vắng mặt.

Trú tại: Xóm C, xã N, huyện Đ, tỉnh T.

4. Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1991 - Vắng mặt.

Trú tại: Tổ X, phường H, thành phố T, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 03 năm 2018, anh Nguyễn Văn H (sinh năm 1997, trú tại xóm L, xã V, huyện Đ, tỉnh T) đi sang Trung Quốc để làm thuê. Tại tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc, H gặp Lâm Văn M sinh năm 2000; Trần Văn L, sinh năm 1999 (cùng trú tại xóm B, xã N, huyện Đ, tỉnh T) và chị Lò Thị N (sinh năm 2000, trú tại tỉnh L). Sau khi nói chuyện với nhau được biết đều có mục đích sang Trung Quốc làm thuê, nên H đứng ra xin việc cho cả bốn người vào làm công nhân ở một Công ty sản xuất đồ chơi trẻ em, đồng thời H đứng ra nhận tiền lương từ công ty cho cả nhóm rồi chuyển lại cho từng người. Cả nhóm làm việc ở đó đến tháng 5/2018 thì Công ty ngừng không thuê nữa nên M, L và N phải về Việt N, số tiền lương tháng 4/2018 của cả bốn người đã được nhận đủ, còn lại số tiền ngày lương của M, L và N làm trong tháng 5/2018 chưa nhận được (mỗi người là 800 nhân dân tệ tiền Trung Quốc, tương đương 2.700.000đ (tiền Việt N). Đến ngày 05/9/2018 thì H cũng về Việt N. Sáng ngày 15/9/2018, Lâm Văn M cùng Triệu Văn T (sinh năm 1997, trú tại xóm C, xã N, huyện Đ, tỉnh T) đi ra nhà Đỗ Văn V (sinh năm 1982, trú tại xóm Thanh Chử, xã Linh Sơn, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên) để chơi, tại nhà của V, M nhận được thông tin của một người bạn bảo H đang ở nhà và nhắn số điện thoại của H cho M để liên lạc. M liền gọi điện cho H về số tiền mà H đang nợ M thì H bảo trưa sẽ gặp nhau ở quán nước tại xóm Q, xã N, huyện Đ, tỉnh T. Khi nói chuyện với H thì Đỗ Văn V đứng bên cạnh nghe thấy nên V có hỏi M về nội dung ai nợ tiền, nợ bao nhiêu tiền thì M có nói cho V biết việc H còn nợ tiền làm bên Trung Quốc đến nay chưa trả và bảo với V nếu H đi nhiều người sẽ gọi V và T ra, sau đó thì M đi cùng bạn là Trần Văn L đến nhà bạn là Lý Quốc K (sinh năm 1998, trú tại xóm C, xã N, huyện Đ, tỉnh T).

Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, khi M và L đang ở nhà K thì M gọi điện thoại cho H hỏi đã đến xã Nam Hòa chưa thì H bảo gần đến rồi, do sợ

bị H đánh, không trả tiền nên M đã gọi điện báo Triệu Văn T, Đỗ Văn V ra quán rồi M cùng L và K đi một xe mô tô đến quán nước H.

Khi ba người đến quán thì M và T vào quán ngồi, còn L đi mua thuốc lá, lúc này H đi đến cùng với một người bạn (H chỉ biết tên là D, nhà ở cùng xóm) thấy H đến, M gọi H vào bàn ngồi nói chuyện, lúc H ngồi xuống ghế thì T đi sang bàn nên cạnh ngồi hút thuốc lào, ít phút sau, Đỗ Văn V đi đến và ngồi ở bàn bên cạnh, đến sau và ngồi cùng bàn với V có anh Cù Huy C, sinh năm 1990 và anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1991. Tại quán nước H, M đã yêu cầu H trả tiền cho ba người là M, L và N mỗi người 800 nhân dân tệ tiền Trung Quốc, tương đương 2.700.000đ tiền Việt N, nhưng H nói không có tiền và xin khất đến qua rằm trung thu thì trả cho ba người này. Lúc này, Đỗ Văn V đang ngồi ở bàn bên cạnh nghe thấy H trả lời như thế đã đi sang bàn chỗ H ngồi, tay cầm theo mũ cối rồi hỏi H *“mày có trả tiền thằng M không”*, H trả lời V là *“công ty chưa trả tiền, khi nào trả sẽ đưa cho M”* thì V đã dọa H *“mày có tin tao cho cái mũ cối vào mặt mày không”*, cùng lúc này Triệu Văn T ngồi hút thuốc lào ở bàn bên cạnh cách V khoảng 02 mét và nói với theo *“tiền đây mày có trả không? mày có tin là tao đánh mày không”*. Tại quán nước, V và T chỉ dùng lời nói mà không có hành vi đe dọa gì khác. Sau khi không thấy H trả tiền nên V nảy sinh ý định bắt H phải viết giấy nhận nợ nên V nói *“cho thằng H viết giấy để làm tin”*. Rồi V bảo L dùng xe mô tô chở H đến nhà nghỉ S có địa chỉ ở xóm Q, xã N, huyện Đ, tỉnh T, khi thấy L đèo H đi thì Triệu Văn T cũng lên xe đi về nhà.

Khi đưa H đến nhà nghỉ S, V bảo Tú tìm cho mình một tờ giấy, Tú vào phía sau quầy bar của nhà nghỉ tìm thì tìm thấy một tờ giấy loại A4 đã được in sẵn một số nội dung có tiêu đề là Hợp đồng cho thuê xe máy rồi đưa cho V, sau đó Tú nằm ngủ ở ghế kê tại phòng khách. Khi nhận được tờ giấy V bắt H viết vào hợp đồng thuê xe nhưng H nói lại để H ra ngoài gọi điện cho anh trai là Nguyễn Văn H (sinh năm 1992, trú tại xóm L, xã V, huyện Đ, tỉnh T) nói cho H biết về việc H đang bị ép viết giấy thuê xe thì H bảo H báo Công an. Sau khi H ra ngoài gọi điện thì V đi theo sau và bảo H vào rồi bảo *“mày không viết giấy thì tao không cho mày về đâu”*, thấy V nói thế, H sợ bị đánh nên đã đồng ý viết vào hợp đồng thuê xe với nội dung thuê chiếc xe SH, màu trắng, BKS: 20C1-104.66 mặc dù trên thực tế H không thuê chiếc xe này và cũng không được V giao xe cho sử dụng. V cho H thời gian từ 14 giờ đến 17 giờ ngày 15/9/2018 phải trả đủ số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng) cho M, nếu quá giờ không trả tiền thì H phải chịu 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) tiền thuê xe mô tô một ngày. Sau khi viết giấy xong H ra về và không được mang theo xe mô tô như đã viết trong hợp đồng thuê xe mô tô. Sau đó H trình báo sự việc đến Công an huyện Đồng Hỷ giải quyết.

Vật chứng của vụ án: 01 xe mô tô HONDA SH màu sơn trắng, BKS 20C1-104.66, quá trình giải quyết vụ án, ngày 11/12/2018 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đồng Hỷ đã trả lại cho chị Nguyễn Thị T là chủ sở hữu quản lý và sử dụng.

Tại bản Cáo trạng số 04/CT-VKSĐH, ngày 16/01/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Đỗ Văn V về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ tham gia phiên tòa, sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội cũng như nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đỗ Văn V phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”;

Áp dụng khoản 1 Điều 170, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo từ 18 đến 24 tháng tù cho hưởng án treo. Án định thời gian thử thách theo quy định. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về vật chứng của vụ án và trách nhiệm bồi thường dân sự: Đã giải quyết xong.

Về án phí áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc bị cáo phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận bị cáo không tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát, trong lời nói sau cùng bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất và xin được cải tạo tại địa phương.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận gì với bản luận tội của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Khoảng 14 giờ ngày 15/9/2018 tại nhà nghỉ S thuộc xóm Q, xã N, huyện Đ, tỉnh T, Đỗ Văn V đã dùng lời nói đe dọa, bắt ép anh Nguyễn Văn H viết giấy nhận thuê xe mô tô, do sợ bị đánh nên H đã viết nhận thuê xe theo mẫu đã in sẵn, nội dung thuê 01 chiếc xe mô tô SH màu trắng BKS: 20C1-104.66 của V và giao hẹn nếu từ 14 giờ đến 17 giờ ngày 15/9/2018, H không mang tiền trả thì tính tiền thuê xe là 500.000đ/ngày để buộc H phải trả số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng) cho anh Lâm Văn M (thực tế H không được thuê xe hay được V giao chiếc xe mô tô trên cho đi). Mặc dù anh H không nợ nần gì V và M; M và L cũng không nhờ hay thuê V đòi tiền họ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với đơn trình báo của bị hại và lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của những người làm chứng, người có quyền L, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vật chứng đã thu được và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, gây bức xúc trong dư luận

quần chúng nhân dân. Hội đồng xét xử xét thấy, việc truy tố để xét xử đối với bị cáo về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung Điều 170 Bộ luật hình sự như sau:

“1. Người nào đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

[2]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, nhất thời phạm tội. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường tổn thất tinh thần cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, có đơn xin được cải tạo tại địa phương được chính quyền địa phương xác nhận, đề nghị nên xét thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà có thể áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật, cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng và hình phạt đối với bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 170 Bộ luật hình sự thì bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, nhưng xét thấy bị cáo thực hiện hành vi phạm tội không vì mục đích thu L cho bản thân, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên xem xét miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 4.000.000đ trước khi xét xử; tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì; bị hại có đơn xác nhận đã nhận đủ khoản tiền bồi thường trên và không có yêu cầu gì thêm đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Vật chứng của vụ án: Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe SH, màu trắng, BKS: 20C1-104.66 đăng ký mang tên Hoàng Thị V do chị Nguyễn Thị T mua lại của anh Phạm Văn D. Xét thấy: chiếc xe trên thuộc quyền sở hữu hợp pháp của chị T (vợ của bị cáo), ngày 15/9/2018, bị cáo dùng chiếc xe trên vào việc phạm tội chị T hoàn toàn không biết. Quá trình điều tra, chị T có

đơn đề nghị xin lại chiếc xe mô tô trên, nên ngày 11/12/2018 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đồng Hỷ đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho chị T là phù hợp. Tại phiên tòa chị T không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5]. Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, trong vụ án này còn có Triệu Văn T là người có lời nói đe dọa anh H tại quán nước H nhưng tại nhà nghỉ S, khi V bắt ép H viết giấy thuê xe thì T không biết và không có mặt tại đó. Đối với Nguyễn Ngọc T là người lấy giấy thuê xe cho V nhưng bản thân T không biết V có hành vi cưỡng đoạt tài sản đối với anh H và cũng không tham gia cùng V. Đối với Lâm Văn M có lời nói nhờ V tác động bảo H trả tiền cho M và L, còn Trần Văn L là người đưa H từ quán nước H về nhà nghỉ S nhưng quá trình điều tra đã làm rõ M và L không thuê, không nhờ V chiếm đoạt tài sản của H để buộc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho M nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đồng Hỷ không xem xét, xử lý đối với Trung, L, M và Tú là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Văn V phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”;

1. Về Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt Đỗ Văn V 18 (Mười tám) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 36 (Ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Giao bị cáo Đỗ Văn V cho Ủy ban nhân dân xã L, thành phố T, tỉnh TN giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Đỗ Văn V phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo; người có quyền L, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; vắng mặt bị hại, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Công an huyện Đồng Hỷ;
- Cơ quan THA hình sự- CA huyện Đồng Hỷ;
- Chi cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên
- UBND xã L, TPTN;
- Bị cáo, Bị hại; Người có QLNV liên quan;
- Lưu: Hồ sơ, bộ phận Hình sự .

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Huy Bắc